

Phú Bình, ngày 03 tháng 12 năm 2021

CÔNG NHÂN THUẬN TÌNH LÝ HÔN

10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Việt N - Sinh ngày: 07/6/1996;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ1, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Bi đơn*: Chị Nguyễn Thị Q - Sinh ngày: 14/7/2000;

Nơi ĐKKTT: Thôn Đ, xã Đ1, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Viết N và chị Nguyễn Thị Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết N và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện thuận tình ly hôn

2.2.Về con chung: Sau khi ly hôn chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Việt N - Sinh ngày 11/8/2020 cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng chẵn trên một tháng) cho chị Q nuôi dưỡng con chung.

- Về phương thức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng: Anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung: Anh Nguyễn Viết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án (Anh N) không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị Q đều xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí : Anh Nguyễn Viết N tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002556 ngày 15/10/2021. Anh N đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Đ, huyện H, BG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toàn

